

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ
KHỐI MẪU GIÁO 3 - 4 TUỔI
NĂM HỌC 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo kế hoạch số 114./KH-TrMN ngày tháng 09 năm 2024 của trường MN Diễn Hoàng)

PHẦN A
DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ
(Thực hiện từ 09/9/2023 đến 16/5/2025)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian
		Ổn định tổ chức		05-07/9/2024
	Trường mầm non, Tết trung thu (3 tuần), thực hiện từ 09/9 đến 27/09/2024	Trường Mầm non thân yêu, Bé vui trung thu	1,2	09-13/9-/2024 16-20/9/2024
		Lớp học của bé	3	23-27/9/2024
2	Bản thân (3 tuần), thực hiện từ 30/09 đến 18/10/2024	Bé tự giới thiệu về mình	4	30/09- 04/10/2024
		Bé khám phá bản thân	5	07-11/10/2024
		Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	6	14-18/10/2024
3	Gia đình bé (3 tuần), thực hiện từ 21/10 đến 08/11/2024	Gia đình của Bé	7	21-25/10/2024
		Ngôi nhà bé ở	8	28/10- 01/11/2024
		- Đồ dùng và nhu cầu gia đình bé	9	04/11- 08/11/2024
4	Nghề nghiệp - Ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11, ngày TLOĐND Việt Nam 22/12- Tuần lễ sức khỏe (6 tuần từ 11/11 đến 20/12/2024)	Nghề Làm ruộng, chăn nuôi	10	11/11- 15/11/2024
		Ngày hội của cô giáo 20/11(Lồng ghép tổ chức ngày hội Thể dục thể thao cấp trường lần 1)	11	18/11- 22/11/2024
		Cháu yêu cô chú công nhân	12	25/11- 29/11/2024

		Nghề tài xế (Nghề bán hàng)	13	02-06/12/2024
		Bé tập làm bác sỹ	14	09-13/12/2024
		Cháu yêu chú bộ đội	15	16-20/12/2024
5	Thế giới động vật –Thực hiện 04 tuần từ 23/12/2024 đến 17/01/2025)	Động vật nuôi trong gia đình	16,17	23-27/12/2024 30-03/01/2025
		Động vật sống trong rừng	18	06-10/01/2025
		Động vật sống dưới nước	19	13-17/01/2025
6	Thế giới Thực vật - Tết nguyên đán, mùa xuân của bé, ngày vui 08/03 (5 tuần, từ 20/01 đến 21/02/2025)	Bé yêu cây xanh	20	20-24/01/2025
		Một số loại quả	21	27-31/01/2025
		vui đón tết (Lồng ghép tổ chức lễ hội mừng xuân)	22	03-07/02/2025 (Nghỉ tết nguyên đán từ thứ 7 ngày 25/01 đến hết chủ nhật ngày 02/02 tức từ 25/12-05/01)
		Một số loại hoa- quả lồng ghép mùa xuân của bé	23	10-14/02/2025
		Một số loài rau- củ	24	17-21/02/2025
7	Phương tiện và quy định giao thông, ngày vui 08/03 (Thực hiện 04 tuần từ 24/02 đến 28/03/2025)	Phương tiện và quy định giao thông đường bộ- đường sắt	25	24-28/02/2025
		Ngày vui 8/3	26	03-07/03/2025
		Phương tiện và quy định giao thông đường thủy -	27	10-14/03/2025
		Phương tiện và quy định giao thông hàng không	28	24-28/03/2025
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (Thực hiện 04 tuần từ 31/03 đến 25/04/2025)	Nước-Vòng tuần hoàn của nước	29	31/03-04/04/2025
		Một số hiện tượng thời tiết và mùa các mùa trong năm	30	07-11/04/2025
		Đất, đá, cát, sỏi	31	14-18/04/2025
		Mùa hè sôi đông	32	21-25/04/2025

9	Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em (Thực hiện 03 tuần từ 28/04 đến 16/5/ 2025)	Quê hương yêu dấu	33	28/04- 02/05/2025
		Việt Nam mến yêu	34	05-09/05/2025
		Bác Hồ kính yêu - Mừng Sinh nhật Bác	35	12-16/05/2025
	Cộng		35	

PHẦN B

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - XD thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
--	---	--	--

	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (150 phút). - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc		
2. Tổ chức giấc ngủ	* Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tầng độ tuổi); - Kiểm tra sổ trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên nấu ăn	
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay	Giáo viên và bảo vệ	

	hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo VS. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.		
--	--	--	--

	+ Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khắm ô màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	<i>a. Chăm sóc sức khỏe</i> <i>* Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); theo dõi chiều cao 6 tháng/lần (vào tháng 9/2023 và tháng 3/2024) - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Bệnh viện đa khoa Phủ Diễn - Phụ huynh	

	chăm sóc trẻ. <i>b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:</i> - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. <i>c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm</i> - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn, hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. <i>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i> - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm		
--	---	--	--

	bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để BD cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật (nếu có)	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm HS cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp + Khả năng nhận thức + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng	

Phụ lục 3

**PHẦN C
KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, GIÁO DỤC**

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Chiều cao, cân nặng của trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi	Trẻ khỏe mạnh cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Trẻ trai: - Cân nặng: Từ 12.9-20.8 kg

	- Chiều cao: Từ 94.4-111.5 cm Trẻ gái: - Cân nặng: Từ 12.6-20.7 kg - Chiều cao: Từ 93.5-109.6 cm
2. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh; thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng: Nhóm thực phẩm giàu Protit, Lipit, Gluxit, VTM và khoáng)
3. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm và món ăn (Rau có thể nấu canh, xào, luộc, thịt có thể luộc, rán, kho, tôm rim, gạo nấu cơm, cháo...) - Ích lợi của các thực phẩm, các món ăn đối với sức khỏe. - Nhận biết một số món ăn hàng ngày.
4. Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất để cơ thể cao lớn khỏe mạnh tăng sức đề kháng để phòng chống dịch bệnh - Dạy trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, không kén chọn thức ăn. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, suy dinh dưỡng, béo phì...)
5. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. Tháo tất, cởi quần, áo	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng đúng thao tác. Sử dụng nước sát khuẩn thường xuyên. - Tháo tất, cởi quần áo *Chủ đề bản thân : - GDKNS : Dạy trẻ kỹ năng gấp xếp quần áo Phoi quần áo. Gấp chăn - GDKN: Dạy trẻ kỹ năng mặc và cởi quần áo.
6. Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	Dạy trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. Biết lấy đúng cốc có ký hiệu riêng của mình để uống nước. Không tự ý uống cốc của người khác để đảm bảo vệ sinh và phòng chống dịch bệnh. GDKN: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.

7. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi.	- Dạy trẻ xúc ăn từ tốn, nhai kỹ, không nhồm nhoàm, không nói chuyện riêng hay trêu chọc bạn trong khi ăn. - Trong khi ăn không được khạc nhổ bừa bãi, muốn ho hắt hơi phải ngoảnh ra ngoài. - Không dùng tay bốc thức ăn, không xúc thức ăn, cơm của mình bỏ sang bát của bạn và ngược lại... - Nhặt thức ăn rơi vãi bỏ vào đĩa... - Thường xuyên uống nước ấm để phòng chống dịch bệnh.
8. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể : - Vệ sinh răng miệng (Tập đánh răng, súc miệng bằng nước muối, sau khi ăn, trước khi đi ngủ và sáng ngủ dậy để phòng bệnh), - Vệ sinh cá nhân (Không dùng tay đưa sờ lên mắt, mũi, miệng khi chưa rửa tay hoặc nước sát khuẩn, giữ quần áo sạch sẽ, không ẩm ướt, móng tay, chân luôn được cắt ngắn...), - Vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người : Nhặt bỏ rác đúng nơi quy định - Luôn đeo khẩu trang khi ra khỏi nhà và những nơi công cộng đúng cách. - Giáo dục kỹ năng sống: “ Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định” - Giáo dục kỹ năng sống: “Dạy trẻ kỹ năng đeo khẩu trang đúng cách”; “Dạy trẻ kỹ năng tự mặc quần áo”; “Dạy trẻ kỹ năng tự đi dép”. - Kỹ năng đi đi tất -Dạy trẻ kỹ năng tự bảo vệ trước dịch bệnh Covid 19 - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. - Nhận biết trang phục theo thời tiết

	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm
9. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...khi được nhắc nhở	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm(Chơi đánh trận sử dụng que, gậy sắc nhọn, sử dụng dao, kéo, súng đồ chơi có đạn, súng chun, ...) những nơi không ăn toản(Ao, hồ, sông, suối, chơi ở đường giao thông có nhiều phương tiện đi lại, công trình đang xây dựng..., những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... - Một số nơi nguy hiểm. - Nhận ra những nơi như ao hồ, bể chứa nước là nơi nguy hiểm, không được chơi gần - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Không tự lấy thuốc uống khi người lớn chưa cho phép - Nhắc trẻ Không leo trèo lên những nơi nguy hiểm - Trẻ có thói quen không theo người lạ khi chưa được sự đồng ý của người thân. - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không nghịch các vật sắc nhọn. Dạy trẻ biết không tự mình đến trường 1 mình hoặc về nhà khi không có người lớn. * Chủ đề Gia đình : - GDKNS : Dạy trẻ kỹ năng phòng chống điện giật. - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh phòng tránh một số vật dụng nguy hiểm. - GDKNS : Dạy trẻ kỹ năng không đi theo người lạ. *Chủ đề nghề nghiệp: -GDKN : Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh

	hỏa hoạn. -GDKN : Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh một số vật dụng nguy hiểm. *Chủ đề : Động vật -GDKN : Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh những con vật nguy hiểm. -GDKN : Dạy trẻ kỹ năng bảo vệ, chăm sóc con vật nuôi. *Chủ đề Nước-hiện tượng tự nhiên: -GDKNS : Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh đuối nước. -GDKNS : Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh một số hiện tượng thiên tai (Bão, gió, sấm chớp...) -GDKN : Dạy trẻ kỹ năng tiết kiệm nước.
10. Trẻ biết và tránh được một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. + <i>Kỹ năng:</i> +“Dạy trẻ không đi theo và nhận quà của người lạ”;
b. Phát triển vận động	
11. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn	- Hô hấp: hít vào, thở ra - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên; Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: Cúi người về trước; Quay sang trái, sang phải; Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xuống đứng lên; Bật tại chỗ; Co duỗi chân
12. Trẻ biết kiểm soát và giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi kiễng gót liên tục 3m - Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.

Đi- Chạy	- Đi trên ghế thể dục. - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi nổi gót lên phía trước - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi theo đường dích dắc (3 - 4 điểm) - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy đổi hướng theo đường dích dắc (3 - 4 điểm)
13. Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động Tung – Ném – Bắt	.- Tung bóng lên cao bằng 2 tay - Tung bắt bóng với cô - Ném trúng đích nằm ngang (Đích xa 1,0-1,2m, đường kính 0,4m) - Ném trúng đích thẳng đứng (Đích xa 0.8-1,0m, đường kính 0,6-0,7m) - Ném xa bằng 1 tay - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc, bên trái, phải (Đứng hoặc ngồi) - Lăn bóng bằng 2 tay - Đập, bắt bóng xuống sàn bằng 2 tay
14. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Lăn bóng và di chuyển theo bóng - Bò thấp chui qua cổng, đi theo đường ngoằn ngoèo - Trườn sấp, trèo qua ghế thể dục. - Bật xa 20 cm. bò theo đường dích dắc - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. Bò trong đường hẹp(3mx 0,4m) không chệch ra ngoài.
15. Trẻ thể hiện khéo léo khi thực hiện vận động Bò, Trườn, Trèo	- Bò chui qua cổng (Bằng bàn tay và cẳng chân) - Bò theo đường dích dắc (Bò bằng bàn tay và bàn chân) - Bò theo hướng thẳng - Bước lên xuống bậc cao (Cao 30 cm) - Trườn về phía trước
16. Trẻ thực hiện được vận động Bật - Nhảy	- Bật tại chỗ - Bật nhảy liên tục về phía trước 3-4 lần - Bật nhảy qua dây. - Bật xa 20 - 25 cm (25-30cm) (2 Tiết) - Bật từ trên cao xuống 25-30cm

18. Trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay - Đan tết - Cài cởi cúc - Xếp chồng các khối gỗ khác nhau - Xé, dán giấy - Sử dụng bút để vẽ theo mẫu, tô vẽ nguệch ngoạc, kéo để cắt theo dải dài - Cài cởi cúc áo, quần...
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
a. Khám phá khoa học	
19. Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Tìm hiểu về một số hiện tượng thời tiết (nắng, mưa, nóng, lạnh...) và ảnh hưởng của nó đến với sinh hoạt của con người - Đặc điểm của các mùa trong năm (mùa xuân, mùa hè, mùa đông, mùa thu). Trang phục thay đổi theo mùa ... - Nhận biết bầu trời ban ngày và ban đêm (mặt trăng, mặt trời và các vì sao). - Tìm hiểu về một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
20. Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng	- Đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây, hoa , quả, quen thuộc + Động vật nuôi trong gia đình + Động vật sống trong rừng + Động vật sống dưới nước + Một số loại hoa + Một số loại quả + Cây xanh và môi trường sống - Nhận biết đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. + Đồ dùng đồ chơi trong lớp + Đồ dùng đồ chơi trong trường mầm non. + Đồ dùng trong gia đình
21. Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá,

giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	cát, sỏi: - Các thử nghiệm: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi, tan hay không tan, đồ dùng dễ vỡ và không dễ vỡ... - Pha màu nước - Gieo hạt để biết về sự nảy mầm của hạt.... - Cách chăm sóc để thấy sự phát triển hàng ngày của cây, con....
22. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. + Một số phương tiện và quy định giao thông đường bộ + Một số phương tiện và quy định giao thông đường thủy + Một số phương tiện và quy định giao thông đường hàng không
23. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	- Phân loại đối tượng theo 1 dấu hiệu * Phân loại đồ dùng theo 1 dấu hiệu: Đồ dùng gia đình (Theo chất liệu: bằng gỗ, nhựa, inox, sứ...) Đồ chơi (màu xanh, đỏ, vàng, dạng tròn, vuông) * Phân loại cây, hoa, quả theo 1 dấu hiệu: + Cây cảnh, cây bóng mát. Thân cứng, thân mềm + Hoa cánh tròn, cánh dài. Quả 1 hạt, quả nhiều hạt, quả có múi, không có múi, vị chua, vị ngọt, trơn nhẵn, xù xì... * Phân loại con vật theo 1 dấu hiệu + Động vật đẻ trứng, đẻ con, hiền lành, hung dữ, động vật biết bò, đv biết bơi... * Phân loại phương tiện theo 1 dấu hiệu: + PTGT Đường bộ, Đường thủy, đường hàng không ...
24. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc	- Quan sát, và nhận ra một vài mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng + Cây xanh và môi trường sống. + Sự phát triển của cây từ hạt. + Thí nghiệm cây trong nhà thiếu ánh

khi được hỏi	sáng và cây để ngoài trời. Cây để tự nhiên và cây bị bứt trong túi bóng... - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
25. Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	- Quan sát các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ... - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.
<i>b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>	
26. Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Các chữ số, số lượng và các số thứ tự trong phạm vi 5 - Nhận biết 1 và nhiều. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng
27. Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	+ Đếm đến 2, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2 + Đếm đến 3, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 3 + Đếm đến 4, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 4 + Đếm đến 5, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 + Dạy trẻ nhận biết sự bằng nhau về số lượng của 2 nhóm đồ vật
28. Trẻ so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	+“Dạy trẻ so sánh, thêm bớt, tạo sự bằng nhau trong phạm vi 2”. +“Dạy trẻ so sánh, thêm bớt, tạo sự bằng nhau trong phạm vi 3”. +“Dạy trẻ so sánh, thêm bớt, tạo sự bằng nhau trong phạm vi 4”. +“Dạy trẻ so sánh, thêm bớt, tạo sự bằng nhau trong phạm vi 5”.
29. Trẻ gộp , tách 1 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách, gộp 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn và đếm
30. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản	- Dạy trẻ tập xếp xen kẽ 1:1; 1:2

và sao chép lại	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
31. Trẻ so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau	- Dạy trẻ nhận biết sự khác biệt về độ lớn giữa 2 đồ vật, sử dụng đúng từ to hơn, nhỏ hơn. - Dạy trẻ nhận biết sự khác biệt rõ nét về chiều cao của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ “cao hơn, thấp hơn” - Dạy trẻ nhận biết sự khác biệt rõ nét về chiều dài của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ “Dài hơn, ngắn hơn” - Dạy trẻ nhận biết sự khác biệt rõ nét về chiều rộng của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ “rộng hơn, hẹp hơn”
32. Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Dạy trẻ nhận biết và gọi đúng tên hình vuông, hình tròn. - Dạy trẻ nhận biết và gọi đúng tên hình tam giác, hình chữ nhật - Luyện tập nhận biết gọi đúng tên các hình hình vuông, hình tròn hình tam giác, hình chữ nhật. Biết tạo nhóm đồ vật theo dấu hiệu hình dạng. - Sử dụng các hình hình học để ghép
33. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Dạy trẻ nhận biết phía trên- phía dưới; phía trước – phía sau của bản thân - Dạy trẻ nhận biết tay phải- tay trái của bản thân, Ôn tập to hơn, nhỏ hơn
c, Khám phá xã hội	
34. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân + Bé tự giới thiệu về mình. + Cơ thể tôi và bạn.
35. Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện	- Những người thân trong gia đình - Nhu cầu trong gia đình
36. Trẻ nói được địa chỉ gia đình, trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình, trường lớp.	+ Trường Mầm non của bé + Lớp học của bé
37. Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	+ Đồ dùng đồ chơi của bé + Các hoạt động trong trường mầm non
38. Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số

của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh	nghề phổ biến: Nghề giáo viên, bộ đội, nghề nông, xây dựng ...
39. Trẻ biết kể tên một số lễ hội	- Dạy trẻ nhận biết một số ngày lễ hội được tổ chức trong trường mầm non Ngày hội đến trường của bé, ngày tết trung thu, ngày nhà giáo việt nam 20/11, lễ hội mừng xuân, tết nguyên đán, ngày vui 8/3, ngày sinh nhật Bác, ngày quốc tế thiếu nhi 01/06...và các hoạt động nổi bật của các ngày đó:
40. Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	- Cờ tổ quốc, - Một số danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử đại phươg: (Đền thờ liệt sỹ, Đền bà quận, đền tám mái, cầu giai, sông sơn tĩnh) của đất nước: Lăng Bác Hồ(Hà nội) Quảng trường Hồ Chí minh(Vinh) Quê nội, quê ngoại của Bác (Nam Đàn)... - Lễ hội đền công(Diễn châu) được tổ chức vào ngày 13-15/2 âm lịch hàng năm + Đất nước diệu kỳ + Quê hương tươi đẹp
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
a. Nghe hiểu lời nói	
41. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản
42. Trẻ hiểu được một số từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. Động vật, đồ chơi, đồ dùng, Phương tiện giao thông, rau, củ, quả, cây, hoa, quần, áo, váy,
43. Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
b, Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	

44. Trẻ nói rõ	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt- Dạy trẻ nói rõ ràng các từ không nói ngọng, nói lắp. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “ở đâu?”; “Khi nào?”. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
45. Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	- Dạy trẻ nói rõ ràng các từ không nói ngọng, nói lắp. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “ở đâu?”; “Khi nào?”.
46. Trẻ biết phát âm rõ ràng được một số từ bằng tiếng Anh chỉ tên gọi các bộ phận cơ thể, con vật, cây, hoa, quả, đồ vật, PTGT, sự vật, hoạt động, đặc điểm, màu sắc đơn giản quen thuộc	Trẻ phát âm rõ ràng thông qua hình ảnh quen thuộc gần gũi chỉ tên gọi các bộ phận cơ thể, con vật, cây, hoa, quả, đồ vật, PTGT, sự vật, hoạt động, đặc điểm, màu sắc đơn giản quen thuộc thông qua các hoạt động trẻ làm quen Tiếng Anh
47. Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
48. Trẻ kể lại những sự vật đơn giản đã diễn ra của bản thân và kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe..... (truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn)	- Kể lại một vài tình tiết của truyện hoặc kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ * Chủ đề Trường Mầm non: - “Đôi bạn tốt”. Món quà của cô giáo + Sự tích chú cuội cung trăng + Thỏ Trắng đi học * Chủ đề Bản thân: - “Cậu bé mũi dài”, “Gấu con bị đau răng”, “Gấu con chia quà”, “Đôi bạn tốt”. Mỗi người một việc * Chủ đề Gia đình: - “Nhỏ củ cải”, “Gấu con chia quà”, “Ai đáng khen nhiều hơn”, “Cô bé quàng khăn đỏ”, “Tích chu”. Cả nhà đều làm việc, bông hoa cúc trắng * Chủ đề Nghề nghiệp: - “Ba chú lợn con”; “Cây rau của thỏ út”, người bán mũ rong, nhỏ củ cải, thần sắt * Chủ đề Thực vật: - “Chú đỗ con”; “Sự tích các loài hoa”;
49. Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	

	“Sự tích cây khoai lang”. Sự tích hoa mào gà * Chủ đề Động vật: - “Cáo thỏ và gà trống”; “Chú vịt xám”, ba con gấu, rùa con tìm nhà, anh e gà con, hai con gấu, bác gấu đen và 2 chú thỏ, lợn con sạch lắm rồi, vịt con lông vàng. * Chủ đề Giao thông: - “Qua đường”; “Kiến thi giao thông” “Kiến con đi ô tô”; “Vì sao thỏ cụt đuôi”. xe lu và xe ca, xe đạp con trên đường phố. Chú dê đen * Chủ đề Nước và hiện tượng tự nhiên: - “Giọt nước tí xíu”; “Cô mây; “Câu chuyện về giọt nước”; “Cô con gái út của ông mặt trời” hồ nước và mây, sự tích ngày và đêm. * Chủ đề Quê hương yêu dấu - Bác Hồ của em: - Niềm vui bất ngờ, ai ngoan sẽ được tặng, sự tích hồ gươm
50. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao	* Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè * Chủ đề Trường Mầm non: Thơ: “Bạn mới” “Tình bạn” “Tập xếp hàng” “Cô và mẹ” ; “Trăng sáng”. Bé tới trường, cô giáo của em * Chủ đề Bản thân: “Tâm sự của cái mũi”; “Cô dạy”; “Bé ơi”; “Miệng xinh”; “Lời chào”. * Chủ đề Gia đình: “Cô và mẹ”; “Thăm nhà bà”; “Em yêu nhà em”; “Thương Ông”; “Mẹ và con”. * Chủ đề Nghề nghiệp: “Làm Bác sỹ”; “Bé làm họa sỹ”; “Bé làm bao nhiêu nghề”; “Cô bán hàng”; “Đi cày”; “Cái bát xinh”. Em làm thợ xây, bác nông dân, làm nghề như bố. Đi bừa * Chủ đề Thực vật: “Cây dây leo”; “Hoa kết trái”; “Tết đang vào nhà”; “Cây đào”; “Chùm quả ngọt”.

	* Chủ đề Động vật: “Rong và cá”; “Kể chuyện cho bé nghe”; “Chim chích bông”; “Em vẽ”.Đàn gà con * Chủ đề Giao thông: + “Đèn giao thông”; “Cô dạy con”; “Giúp bà”; “Đàn kiến nó đi”. Bé và mẹ, xe chữa cháy, đèn xanh, đèn đỏ, bé và mẹ * Chủ đề Nước và hiện tượng tự nhiên: “Ông mặt trời”, “Nắng bốn mùa”; “Mưa”; “Gió”; “Trăng sáng”. Cầu vồng * Chủ đề Quê hương yêu dấu - Bác Hồ của em: “Quê hương vùng biển”; “Bác Hồ của em”; “Ảnh Bác”.Quê em, Bác thăm nhà cháu, hoa quanh lăng bác
	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên
51. Trẻ biết sử dụng các từ như “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa” trong giao tiếp và nói đủ nghe, không nói lý nhí	- Dạy trẻ sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng phù hợp với tình huống. - Dạy trẻ nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. + Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi lễ phép
c, Làm quen với việc đọc viết	
52. Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn sách
53. Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên các nhân vật, hình ảnh trong tranh	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống
54. Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
a, Thể hiện ý thức về bản thân	
55. Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích	+ Cơ thể tôi và bạn
b, Thể hiện sự tự tin, tự lực	

56. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Dạy trẻ nói lên những điều bé thích, bé không thích, mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, tự tin trả lời các câu hỏi...
57. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi)	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến, chủ động và độc lập trong một số hoạt động (Cố gắng hoàn thành 1 bức tranh, Sắp xếp đồ dùng đồ chơi lên giá ngăn nắp gọn gàng, làm trực nhật theo lịch đã được phân công, giúp đỡ cô 1 số công việc (Trải khăn bàn ăn, khăn lau tay, giấy lau...) + “Dạy trẻ kỹ năng sắp xếp đồ dùng đồ chơi”. + Kỹ năng để đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định.
c, Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
58. Trẻ nhận ra và biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh	- Nhận biết và biểu lộ một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động...phù hợp với hoàn cảnh, tình huống.
59. Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Dạy trẻ nhận ra Lăng Bác được xây dựng ở thủ đô Hà nội, tượng đài Bác ở thành phố Vinh, hình ảnh Bác Hồ múa hát cùng các cháu thiếu nhi đồng trong ngày tết trung thu, Bác hành quân cùng các chiến sỹ, Bác tham gia gặt lúa cùng người nông dân, Bác tham gia luyện tập thể thao cùng các chú bộ đội... + Bác Hồ kính yêu và ngày sinh nhật Bác
60. Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	
d, Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
61. Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, ăn xong biết xếp ghế gọn gàng, chuẩn bị chỗ ngủ, làm trực nhật....) - Kỹ năng sắp xếp, cất dọn đồ dùng đồ chơi
62. Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	- Dạy trẻ thể hiện cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn) + Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi lễ phép
63. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	

64. Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Chờ đến lượt + Kỹ năng lịch sự khi xếp hàng - Chơi hòa thuận với bạn
<i>đ. Quan tâm đến môi trường</i>	
65. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối + Kỹ năng an toàn khi chơi cùng động vật
66. Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định	+ Dạy trẻ kỹ năng biết nhặt rác bỏ vào thùng theo quy định.(Hình thành ý thức biết bảo vệ môi trường) + Dạy trẻ kỹ năng sử dụng nước tiết kiệm.
V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
67. Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống.
68. Trẻ chú ý nghe, thích thú hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe các bài hát, bản nhạc (Nhạc thiếu nhi, dân ca) * Chủ đề trường Mầm non: - “Ước mơ”; “Ngày vui của bé”; “Vui đến trường”; “Cháu đi học ở trường mầm non”; “Chiếc đèn ông sao”. Rước đèn tháng tám, cô giáo, ước mơ xanh. * Chủ đề Bản Thân: “Xòe bàn tay, nắm ngón tay”. “Hãy xoay nào”. cánh chim tuổi thơ, Đôi mắt xanh, * Chủ đề Gia đình: “Cho con”; “Gia đình nhỏ hạnh phúc to”; “Cháu yêu bà”; “Cả nhà thương nhau”; “Bố là tất cả”.Bàn tay mẹ, Ba ngọn nến lung linh, dân ca tự chọn.Mẹ yêu ơi. Người tôi yêu tôi thương * Chủ đề Nghề nghiệp: “Bông hồng tặng cô”; “Cô thợ dệt”; “Cháu thương chú bộ đội”; “Ước mơ xanh”. * Chủ đề Thực vật: “Lý cây xanh”; “Chúc tết”; “Quả”, “Mùa xuân”, “Em yêu cây xanh”, “ Lá xanh”, “Hoa thơm bướm lượn”; “Mưa rơi”; “Cây trúc xinh”.hoa trong vườn

	* Chủ đề Động vật: “Voi làm xiếc”; “Chú voi con”; “Chú ếch con”; “Con chim non”; “Cò lã”; “Đố bạn”. Thật đáng chê * Chủ đề Nước và hiện tượng tự nhiên: “Chỉ có một trên đời”; “Bé yêu biển lắm”; “Mưa rơi”; “Nắng sớm”; “Đếm sao”. * Chủ đề Giao thông: “Bạn ơi có biết”; “Anh phi công ơi”; “Em đi chơi thuyền”; “Đèn xanh đèn đỏ”. * Chủ đề Quê hương yêu dấu - Bác Hồ của em: “Tù rừng xanh cháu về thăm lăng Bác”; “Ai yêu Bác Hồ chí Minh Hơn thiếu niên nhi đồng”; “Bác Hồ người cho em tất cả”.
69. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát * Chủ đề Trường Mầm non: - “Chào hỏi”; “Vui đến trường”; “Cháu đi mẫu giáo”; “Cô giáo”; “Rước đèn dưới trăng”; “Phá cỗ”; “Trường chúng cháu là trường mầm non”. Chiếc đèn ông sao, gác trăng, mẹ và cô,
70. Trẻ biết vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	* Chủ đề Bản thân: - “Vì sao con mèo rửa mặt”; “Tay thơm tay ngoan”; “Mời bạn ăn; Cái mũi”; “Bạn ở đâu”; “Tìm bạn thân”; “Mừng sinh nhật”. hãy xoay nào, dẫu cái tay * Chủ đề Gia đình: “Mẹ yêu không nào”; “Múa cho mẹ xem”; “Cả nhà đều yêu”; “Nhà của tôi”; “Cả tuần đều ngoan”. Cả nhà thương nhau, cháu yêu bà * Chủ đề Nghề nghiệp: “Cháu yêu cô chú công nhân”; “Lớn lên cháu lái máy cày”; “Làm chú bộ đội”; “Chú bộ đội”, cô và mẹ, cô giáo miền xuôi, tập lái ô tô, em làm bác sỹ * Chủ đề Thực vật: “Cây bắp cải”; “Màu hoa”; “Sắp đến tết rồi”. lá xanh, quả, hoa trường em, lý cây xanh, em yêu canh xanh,

	* Chủ đề Động vật: “Gà trống mèo và cún con”; “Cá vàng bơi”; “Chú thỏ con”; “Một con vịt”, “Vì sao chim hay hót”, “Con chim non”; “Con chuồn chuồn”. chú voi con, đàn gà con, dân ca * Chủ đề Giao thông: “Em đi qua ngã tư đường phố”; “Đường em đi”; “Em tập lái ô tô”. đi đường em nhớ, chúng em với an toàn giao thông, cô dạy bé bài học giao thông * Chủ đề Nước và hiện tượng tự nhiên: “Mùa hè đến”; “Cho tôi đi làm mưa với”; “Trời nắng trời mưa”. Hạt mưa và bé * Chủ đề Quê hương yêu dấu - Bác Hồ của em: “Hòa bình cho bé”; “Múa với bạn tây nguyên”; “Em mơ gặp Bác Hồ”. yêu hà nội, nhớ ơn bác, em mơ gặp bác hồ - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, vận động minh họa
71. Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình	- Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
72. Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm theo sự gợi ý	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Dán cái nơ; Tô màu đu quay; Tô màu đèn lồng; Tô màu bé trai bé gái; Trang trí khăn mùi soa; Tô màu ngôi nhà; Tô màu gia đình bé; Tô màu dụng cụ nghề y; Xé dán lá cây; Tô màu con hươu; Xé dán con sứa; Tô màu kính khí cầu. tô màu ngôi nhà

73. Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản	- Phối hợp các kỹ năng vẽ (Vẽ nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong tròn vẽ bút chì, bút sáp, màu nước, tô màu,...) để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối hài hòa, hợp lý. - “Vẽ và tô màu quả cà chua”, “Vẽ, tô màu cây ăn quả”,; “Vẽ hoa bằng dầu vân tay”; “Vẽ và tô màu con gà”; “Vẽ, tô màu xe máy”; “Vẽ tô màu ô tô”; “Vẽ “Mưa, Cây cỏ”; “ Vẽ tự do”; “ Vẽ theo ý thích”. Tô màu gia đình, tô màu ngôi nhà, tô màu con hươu cao cổ, vẽ tô màu cây xanh, hoa mùa xuân, tô màu ô tô, tô màu lăng bác, trang trí ảnh bác, vẽ mưa, tô màu cái phao
74. Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Phối hợp các kỹ năng xé (Xé vụn, xé dải, xé mảng, ...), dán (Kỹ năng lấy, phết hồ, đặt đúng vị trí và miết...), để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối. Dán bập bênh; Cắt dán cái thang; Cắt dán con cá; Xé dán chiếc ô; Xé dán tia nắng mặt trời; Xé dán đuôi điều. Làm quà tặng cô, tặng chú bộ đội, xé dán quả, tán lá cây, bánh chưng, cắt dán ô tô, xé dán cò, xé dán cánh điều, xé dán ông mặt trời, xé dán con sứa, xé dán quả, lá cây, dán hoa hoa, dán cái nơ,
75. Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	- Phối hợp các kỹ năng nặn (Xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt, ...) để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối, hợp lý. Nặn cái bát; Nặn quả; Nặn con gà; “Nặn bông hoa; Nặn chiếc vòng tay. Nặn đồ chơi, nặn bánh trung thu, nặn dụng cụ nghề y, nặn dụng cụ, sản phẩm một số nghề, nặn chùm quả, mâm ngũ quả ngày tết, nặn theo ý thích, nặn cái phao, nặn bánh, nặn con vật. Tạo hình dòng suối từ các nguyên liệu khác nhau. Tạo hình dòng sông quê

76. Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình(Xếp cạnh, xếp cách... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối.
77. Trẻ biết nhận xét và đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình - Đặt tên cho sản phẩm của mình
78. Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích

P. HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Liên

